

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Tiến;

Ông Nguyễn Dũng Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Lan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị R, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 6, ấp 2, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ 6, ấp 2, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024, nguyên đơn là bà Lê Thị R trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành D chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, kiếm chuyện chửi mắng bà. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất hòa, bà đã lớn tuổi, đã chịu đựng ông D nhiều năm, đến nay không thể chịu đựng được nữa. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành D: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thành D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị R đối với ông Nguyễn Thành D.

Về con chung: Bà Lê Thị R, ông Nguyễn Thành D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Lê Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị R phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị R là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Thành D là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà R, ông D.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị R và ông Nguyễn Thành D chung sống với nhau từ năm 1989, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2021, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà R, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà R yêu cầu ly hôn do ông D thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, kiêu chuyên chửi mắng bà; bà đã chịu đựng nhiều năm.

Kết quả xác minh địa phương nơi bà R, ông D thường trú tại ấp 2, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh thể hiện: Giữa bà R, ông D chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông D thường xuyên uống rượu nên vợ chồng hay xảy ra xung đột, cự cãi; ông D còn hăm dọa đánh đập bà R. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà R, ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, bà R yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà R và ông D chung sống không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị R được miễn án phí; ông Nguyễn Thành D không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị R. Bà Lê Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Thành D.

2. Về nuôi chung: Bà Lê Thị R và ông Nguyễn Thành D không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Lê Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị R không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Thành D không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà